

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày 12 tháng 7 năm 2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhận**

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đèo**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa: Ông

Châu Hoa Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2024/TLST – DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST – DS ngày 30 tháng 5 năm 2024:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH S**

+ Địa chỉ: **Số A, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Prart J**, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1984, chức vụ: Nhân viên **công ty TNHH S**.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Nhựt T**, sinh năm 1996.

+ Địa chỉ: **Khóm B, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu**.

(Ông **Huỳnh Văn L** có đơn xin vắng mặt, anh **Nguyễn Nhựt T1** vắng mặt không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Công ty TNHH S** ủy quyền cho ông **Huỳnh Văn L** trình bày:*

Theo giấy Đăng ký kinh doanh chúng tôi đã đăng ký thì **Công ty TNHH S** (sau đây gọi là Công ty) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Cầm cố tài sản. Vào ngày 17/5/2023, ông **Nguyễn Nhựt T** có đến **chi nhánh G** của Công ty tại địa chỉ: **QL A, Khóm E, Phường H, Thị Xã G, Bạc Liêu**, để cầm cố tài sản cụ thể là:

+ 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 94D1- 649.12

+ Loại xe HONDA Vario 125cc - Màu: Bạc đen

+ Số khung MH1KF4110KK744429 - Số máy KF41E1747105.

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000815 do Công an tỉnh B cấp ngày 15/02/2023.

Đề lấy số tiền là 17.600.000đ, thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ 17/5/2023 - 17/11/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Nguyễn Nhựt T do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Nguyễn Nhựt T mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 17/5/2023 đến ngày 17/6/2023 địa điểm trả xe là tại chi nhánh G, ông Nguyễn Nhựt T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, ông Nguyễn Nhựt T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay ông Nguyễn Nhựt T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty là đã vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Nguyễn Nhựt T tại địa chỉ: khóm B, phường H, thị xã G, Bạc Liêu, nhưng đều không gặp. Phía công ty tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Nguyễn Nhựt T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty, nhưng ông Nguyễn Nhựt T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh.

Từ nội dung sự việc trên Công ty TNHH S quyết định khởi kiện ông Nguyễn Nhựt T ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Nhựt T, phải thanh toán cho Công ty TNHH S, số tiền tổng cộng 19.342.000đ, tính đến ngày 15/02/2024 bao gồm:

+ Tiền gốc còn lại: 17.600.000đ;

+ Tiền lãi: 1.742.000đ (1.1%/ tháng);

- Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đối với các số tiền cụ thể như sau: Phí mượn xe 8.976.000đ.

Ngoài ra, ông Nguyễn Nhựt T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 16/02/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Nhựt T:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho họ theo quy định của pháp luật, nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại các Điều 178, khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phát biểu ý kiến cho rằng các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung của vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH S.

- Buộc ông Nguyễn Nhựt T phải thanh toán cho Công ty TNHH S, số tiền tổng cộng tổng cộng 19.342.000đ, tính đến ngày 15/02/2024 bao gồm:

- + Tiền gốc còn lại: 17.600.000đ;
- + Tiền lãi: 1.742.000đ (1.1%/ tháng);

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, do nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đối với các số tiền phí mượn xe là 8.976.000đ.

Chấm dứt hợp đồng cầm cố số GRM230501005NA19X, ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa giữa Công ty TNHH S và ông Nguyễn Nhựt T.

Hủy giấy mượn xe giữa Công ty S và ông Nguyễn Nhựt T.

Ngoài ra, ông Nguyễn Nhựt T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 16/02/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn L là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty TNHH S, có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Nhựt T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 178, khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung vụ án:

- Giao dịch cầm cố tài sản giữa Công ty TNHH S với ông Nguyễn Nhựt T là có xảy ra trên thực tế. Cụ thể: Vào ngày 17/5/2023, giữa ông Nguyễn Nhựt T và Công ty TNHH S thoả thuận ký hợp đồng cầm cố tài sản, theo hợp đồng số GRM230501005NA19X, để cầm cố tài sản là:

- + 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 94D1- 649.12
- + Loại xe HONDA Vario 125cc - Màu: Bạc đen
- + Số khung MH1KF4110KK744429 - Số máy KF41E1747105.
- + Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000815 do Công an tỉnh B cấp ngày 15/02/2023.

Đề lấy số tiền là 17.600.000đ, thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ 17/5/2023 - 17/11/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Phía công ty đã giải ngân đầy đủ cho ông Nguyễn Nhựt T.

+ Ngày 17/5/2023, ông T có ký giấy mượn xe, thời gian trả là 30 ngày kể từ ngày 17/5/2023 đến ngày 17/11/2024.

+ Tính đến ngày 15/02/2024 ông T chưa thanh toán đầy đủ cho Công ty TNHH S – Chi nhánh G. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố ông T đã thực

hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong Hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công ty.

- Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S có căn cứ để chấp nhận toàn bộ. Buộc ông Nguyễn Nhựt T phải thanh toán cho Công ty TNHH S, số tiền tổng cộng 19.342.000đ, tính đến ngày 15/02/2024 bao gồm:

- + Tiền gốc còn lại: 17.600.000đ;
- + Tiền lãi: 1.742.000đ (1.1%/ tháng);

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, do nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đối với các số tiền phí mượn xe là 8.976.000đ.

Ngoài ra, ông Nguyễn Nhựt T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 16/02/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Chấm dứt hợp đồng cầm cố và huỷ bỏ giấy mượn xe giữa Công ty TNHH S và ông Nguyễn Nhựt T.

[3] Xét phần phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai có căn cứ nên cần được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Nguyễn Nhựt T phải chịu theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền án phí cho Công ty S.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 178, khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 228, 238, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 309, 311, 312, 313 và Điều 314 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với ông Nguyễn Nhựt T về việc tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Nhựt T trả cho Công ty TNHH S số tiền tính đến ngày 15/02/2024, tổng cộng 19.342.000đ (Trong đó: Tiền gốc còn lại 17.600.000đ; tiền lãi 1.742.000đ).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, do nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đối với các số tiền phí mượn xe là 8.976.000đ.

3. Chấm dứt hợp đồng cầm cố số GRM230501005NA19X, ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa Công ty TNHH S và ông Nguyễn Nhựt T.

4. Huỷ bỏ giấy mượn xe ngày 17/5/2023, giữa Công ty TNHH S và ông Nguyễn Nhựt T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Nguyễn Nhựt T nộp số tiền 967.100đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai khi án có hiệu lực pháp luật. Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 302.610đ, lai thu số 0008716 ngày

24/4/2024 của Công ty TNHH S, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

- Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
+ TAND tỉnh Bạc Liêu; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
+ VKSND thị xã Giá Rai;
+ Chi cục THADS huyện Giá Rai;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Phai

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

